

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-9-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh K Lít.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Xuân Đàm.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hồng Buôi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn Th.

Địa chỉ: Thôn Làng R, xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tà B, xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Tr.

Địa chỉ: Thôn Làng R, xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Cán bộ Công tác xã hội thị trấn

D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2021 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh Đinh Văn Th trình bày:*

Anh và chị Đinh Thị Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2006 đến ngày 28 tháng 11 năm 2013 anh với chị Tr mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, cả hai người quyết định sống ly thân và hiện chị Truốt đã chung sống với người đàn ông khác. Từ đó đến nay, anh và chị Tr phân ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Tr.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 30/3/2007 và cháu Đinh Thị Thu Q, sinh ngày 27/8/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị Tr tại thôn Làng R, xã Sơn Th.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thu Q, sinh ngày 27/8/2012, giao cho chị Đinh Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 30/3/2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản riêng, chung và nghĩa vụ tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đinh Thị Tr: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị Tr từ chối ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó, trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của bị đơn chị Đinh Thị Tr. Tòa án đã lập các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bên nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Đinh Thị Tr không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Đinh Văn Th được ly hôn với chị Đinh Thị Tr.

Giao cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 30/3/2007 và cháu Đinh Thị Thu Q, sinh ngày 27/8/2012 cho chị Đinh Thị Tr trực tiếp nuôi con, buộc anh Đinh Văn Th cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị Thu Q mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị Thu Q đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho chị Đinh Thị Tr nhưng chị Tr từ chối ký nhận. Theo biên bản xác minh tại thôn Làng R, xã Sơn Th xác định, chị Tr luôn có mặt tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc

Tòa án tiến hành lập các văn bản tố tụng là phù hợp, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị Tr tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đinh Thị Tr.

[2] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn anh Đinh Văn Th cung cấp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định quan hệ tranh chấp: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, anh Đinh Văn Th và chị Đinh Thị Tr đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đúng quy định của pháp luật theo khoản 1 Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn Th với chị Đinh Thị Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Đinh Văn Th và chị Đinh Thị Tr kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng anh Th và chị Tr bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau, không ai nhường nhịn ai nên năm 2019 thì anh Th và chị Tr tự sống ly thân, cũng từ đó đến nay hai vợ chồng anh phân ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được thôn, xóm hòa giải nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay anh Đinh Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đinh Thị Tr. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đinh Văn Th được ly hôn với chị Đinh Thị Tr là phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh Đinh Văn Th và chị Đinh Thị Tr có 02 con chung là cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 30/3/2007 và cháu Đinh Thị Thu Q, sinh ngày 27/8/2012. Theo nguyện vọng của các con, khi cha mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, thực tế theo anh Th khai thì hai cháu đang sống cùng với chị Tr từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị Thu Q cho chị Đinh Thị Tr trực tiếp nuôi con, buộc anh Đinh Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Đinh Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đinh Văn Th được ly hôn chị Đinh Thị Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Văn Q, sinh ngày 30/3/2007 và cháu Đinh Thị Thu Q, sinh ngày 27/8/2012 cho chị Đinh Thị Tr trực tiếp nuôi con, buộc anh Đinh Văn Th cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị Thu Q mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đinh Văn Q và cháu Đinh Thị Thu Q đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Đinh Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) phần yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0001783 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Buộc anh Đinh Văn Th còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- UBND xã Sơn Th;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký )**

**Đinh K Lít**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Xuân Đàm      Nguyễn Thị Nguyệt**

**Đinh K Lít**

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa:*

**Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bên nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.**

**Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết về việc ly hôn, nuôi con.**



